

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 2 thành khoản 4, như sau:

“4. Thời gian học tập của sinh viên được quy định

a) Đối với hệ chính quy, thời gian thiết kế chuẩn cho CTĐT trình độ đại học là 4 năm đối với các ngành đào tạo cấp bằng cử nhân; 4,5 năm đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư. Thời gian thiết kế cho CTĐT vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với thời gian thiết kế cho CTĐT chính quy tương ứng.

b) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành CTĐT không được vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo, được thiết kế cho CTĐT ngành.

c) Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời

gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

d) Thời gian sinh viên được nghỉ học tạm thời và thời gian học ở trường khác khi chuyển về Trường Đại học Hồng Đức (nếu có) đều được tính vào thời gian tối đa của khoa đào tạo.

e) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trong năm tuyển sinh) không hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Đối với hình thức đào tạo chính quy

a) Kế hoạch dạy - học trong từng năm học và từng học kỳ được thể hiện ở “Kế hoạch dạy - học năm học” và “Thời khóa biểu từng học kỳ”.

b) Năm học gồm hai học kỳ chính (gọi là học kỳ I và học kỳ II), mỗi học kỳ chính có từ 12 - 15 tuần thực học và 3 - 4 tuần thi; dựa trên nhu cầu của sinh viên và điều kiện cho phép, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện học lại, học cải thiện điểm và học thêm. Học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

c) Trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 2 tuần, Nhà trường cung cấp cho sinh viên về kế hoạch mở lớp, số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần, thời khóa biểu và lịch đăng ký học của các lớp học phần trong học kỳ.

d) Thời khóa biểu của các lớp học phần thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải sắp xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 18 tiết/tuần và 5 tiết/ngày (trừ các học phần môn GDQPAN).

2. Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

a) Kế hoạch dạy - học trong từng năm học được bố trí linh hoạt, cụ thể:

- Mỗi năm học tổ chức 02 - 03 học kỳ chính;

- Tùy vào tình hình thực tiễn, có thể bố trí thêm học kỳ phụ vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hằng năm.

b) Trung tâm Giáo dục thường xuyên chủ động phối hợp với các đơn vị đào tạo và đơn vị liên kết để lập kế hoạch dạy - học phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, từng lớp học phần.

c) Đầu năm học, Nhà trường thông báo lịch học tập chi tiết của từng lớp về số học phần và tín chỉ, lịch học trực tuyến và trực tiếp, hình thức kiểm tra đánh giá và lịch thi kết thúc học phần”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 9 như sau:

“b) Đầu học kỳ I năm cuối khóa (xác định theo khoản 5 Điều 10), sinh viên được đăng ký làm ĐA/KLTN hoặc học một số học phần thay thế ĐA/KLTN được quy định như sau:

- Sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp nếu có điểm TBC tích lũy học tập 3 năm đầu đạt từ **2,8** điểm trở lên, số tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học đến thời điểm xét và không bị hình thức xử lý luật từ cảnh

cáo trở lên (số sinh viên được giao thực hiện KLTN không vượt quá 20% số sinh viên của lớp ngành; trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định); đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư sinh viên phải thực hiện đồ án tốt nghiệp (mỗi đồ án không quá 3 sinh viên cùng thực hiện; trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định); điều kiện để được giao làm đồ án tốt nghiệp: tính đến thời điểm ra quyết định có điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu đạt từ 2.0 và hoàn thành 80% khối lượng của chương trình đào tạo ngành.

- **Quy trình:** Sinh viên xét thấy đủ điều kiện làm ĐA/KLTN làm đơn đăng ký làm ĐA/KLTN nộp cho khoa/bộ môn. Các khoa kiểm tra điều kiện, tập hợp danh sách sinh viên đủ điều kiện làm ĐA/KLTN và dự kiến giảng viên hướng dẫn gửi đơn vị Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định.

Giảng viên được phân công hướng dẫn có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên làm đề cương, duyệt đề cương, hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương. Các khoa/bộ môn có trách nhiệm thông qua đề cương chi tiết ĐA/KLTN của sinh viên; giới thiệu giảng viên chấm ĐA/KLTN trình Hiệu trưởng quyết định.

- Sinh viên không được giao làm ĐA/KLTN phải đăng ký học một số học phần chuyên môn thay thế theo qui định trong CTĐT. Thời gian tổ chức học học phần thay thế ĐA/KLTN được tổ chức vào kỳ cuối của khóa học”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 9 như sau:

“6. Chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp, đồ án/khoá luận tốt nghiệp

a) Thực tập tốt nghiệp

- Đối với các ngành đào tạo ngoài sư phạm, điểm đánh giá thực tập tốt nghiệp (gọi là điểm học phần thực tập tốt nghiệp), được chấm theo thang điểm 10 bao gồm: điểm đánh giá của cơ sở thực tập nơi sinh viên TTTN có trọng số 30% và trung bình cộng của giảng viên hướng dẫn và 01 giảng viên cùng ngành đào tạo hoặc ngành gần do Trưởng khoa phân công, được làm tròn đến một chữ thập phân có trọng số 70%.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên, Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá của các cơ sở thực tập làm điểm học phần TTTN.

b) ĐA/KLTN phải thực hiện bảo vệ trước Hội đồng chấm. Hội đồng chấm ĐA/KLTN có từ 3 đến 5 người là những giảng viên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đào tạo. Điểm của ĐA/KLTN là trung bình cộng kết quả điểm chấm của các thành viên Hội đồng và người hướng dẫn. Đơn vị QLĐT trình Hiệu trưởng quyết định danh sách Hội đồng chấm đối với từng ngành đào tạo.

Nếu bảo vệ ĐA/KLTN bằng hình thức trực tuyến phải đảm bảo các yêu cầu: Hội đồng chuyên môn có ít nhất 3 thành viên; được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học. Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

c) Điểm của TTTN, ĐA/KLTN được chấm theo thang điểm 10 và **phải đạt từ 5.5 trở lên**. Điểm được quy về điểm chữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Quy định này. Kết quả chấm TTTN, ĐA/KLTN được công bố cho người học và nộp về P.ĐBCL&KT chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nộp ĐA/KLTN;

Điểm TTTN, ĐA/KLTN được tính vào điểm TBC tích lũy của toàn khoá học.

d) Sinh viên có điểm chấm ĐA/KLTN dưới 5.5 (theo thang điểm 10), phải đăng ký làm lại ĐA/KLTN; hoặc phải đăng ký học các học phần thay thế theo CTĐT. Sinh viên có điểm TTTN dưới 5.5 (theo thang điểm 10) phải đăng ký đi thực tập lại.

Hồ sơ chấm TTTN, ĐA/KLTN được lưu trữ tại khoa, bộ môn trong thời gian 5 năm tính từ ngày sinh viên tốt nghiệp”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Nhà trường tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu và năng lực đào tạo của ngành dự kiến đào tạo. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị, bộ môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Bùi Văn Dũng**